

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 273-V01/TPP-CTY/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 38609003

Fax : (028) 38607622

E-mail: info@tanphuvietnam.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303640880

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:Ngày Cấp/ Nơi cấp: (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: HỘP TRỨ SỮA BỘT AOI JUMBO

2. Thành phần: Nhựa AS, Nhựa ABS, Nhựa PP, Silicone, Hạt màu, Phụ gia kháng khuẩn (Ag+)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng cho tới khi sản phẩm bị vỡ, biến dạng hoặc tùy vào nhu cầu sử dụng của khách hàng.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Quy cách đóng gói 18 hộp/ thùng carton

Hoặc đóng gói theo quy cách yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

• Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi: Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

• Sản xuất tại:

+ Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh (được mã hóa là Nhà máy Bắc Ninh)

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Xuân Lâm, Phường Xuân Lâm, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

+ Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam

Trụ sở: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Nhà máy sản xuất: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (được mã hóa là Nhà máy Đồng Nai 2).

+ Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam – Chi nhánh Long An (được mã hóa là Nhà máy Long An)

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa Hạ (lô C16), Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1: 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”.
- QCVN 12-2:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2024

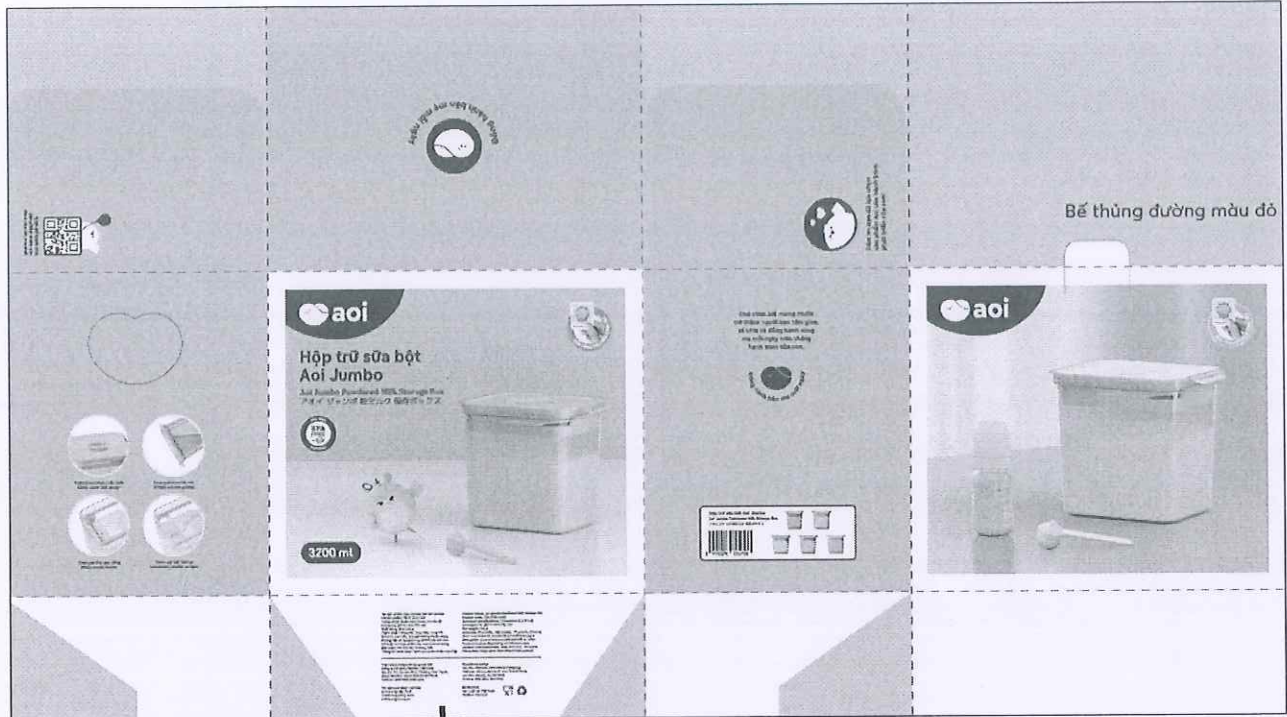
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Ngô Đức Trung
Phó Tổng giám đốc

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN



Tên sản phẩm: Hộp trữ sữa bột Aoi Jumbo
Mã sản phẩm: HIN.HTSU.AJUM
Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C)
tương ứng (207 x 145 x 177) mm
Khối lượng tịnh: 464 g
Thành phần: Nhựa AS, nhựa ABS, nhựa PP,
Silicone, hạt màu, phụ gia kháng khuẩn (Ag+)
Hướng dẫn sử dụng: Dùng để trữ sữa bột cho
trẻ hoặc trữ thực phẩm tùy mục đích sử dụng
Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát
Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp

Product name: Aoi Jumbo Powdered Milk Storage Box
Product code: HIN.HTSU.AJUM
Technical specifications: Dimensions (L x W x H)
correspond to (207 x 145 x 177) mm
Net weight: 464 g
Materials: AS plastic, ABS plastic, PP plastic, Silicone,
Color masterbatch, Antibacterial additives (Ag+)
User guide: Used to store powdered milk or other
foods for babies depending on different uses
Product care instruction: Keep in a cool, dry place
Precaution: Keep away from direct heat sources

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh,
Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
Hotline: 1800 8246 (miễn phí)

Manufactured by:
Tan Phu Vietnam Joint Stock Company
Address: 314 Luy Ban Bich, Hoa Thanh Ward,
Tan Phu District, Ho Chi Minh
Hotline: 1800 8246 (toll free)

Nơi sản xuất được mã hóa:
 Nhà máy Bắc Ninh
 Nhà máy Đồng Nai 2
 Nhà máy Long An

SX 08/2024
Sản xuất tại Việt Nam
Made in Vietnam





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú
TP.HCM, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : N6IK2408200212-BL

Mã số mẫu : 743-2024-00123650

Mã số Eol :

005-32410-320393

Tên mẫu :

Hộp trữ sữa bột Aoi Jumbo

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

22/08/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 27/08/2024

Thời gian thử nghiệm :

24/08/2024 - 27/08/2024

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ | GIỚI HẠN TỐI ĐA |
|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------|----------------------------------|-----------------------------|-----------------|
| Thành phần bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (nhựa AS) | | | | | |
| 1 | VD751 VD (a) Cadimi (Cd) | µg/ g | QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.04) | 100 |
| 2 | VD2K5 VD (a) Chì (Pb) | µg/ g | QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.08) | 100 |
| 3 | VD755 VD (a) Kim loại nặng quy Pb (acid acetic 4%, 60°C, 30 phút) | µg/ ml | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD = 0.4) | 1 |
| 4 | VD2K3 VD (a) Lượng KMnO4 sử dụng (Nước, 60°C, 30 phút) | µg/ ml | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=1) | 10 |
| Thành phần bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (nhựa PP) | | | | | |
| 5 | VD750 VD (a) Chì (Pb) | µg/ g | QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.08) | 100 |
| 6 | VDBHK VD (a) Cadimi (Cd) | µg/ g | QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.04) | 100 |
| 7 | VD2LF VD Lượng KMnO4 sử dụng (Nước, 60°C, 30 phút) | µg/ ml | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=1) | 10 |
| 8 | VDBHL VD (a) Kim loại nặng quy Pb (acid acetic 4%, 60°C, 30 phút) | µg/ ml | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD = 0.4) | 1 |
| 9 | VD759 VD (a) Cặn khô (Heptane, 25°C, 60 phút) | µg/ ml | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=5) | 30 |
| 10 | VD760 VD (a) Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút) | µg/ ml | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=5) | 30 |
| 11 | VD761 VD (a) Cặn khô (Nước, 60°C, 30 phút) | µg/ ml | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=5) | 30 |
| 12 | VD762 VD (a) Cặn khô (A.acetic 4% 60°C, 30 phút) | µg/ ml | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=5) | 30 |
| Thành phần bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (nhựa AS+ABS) | | | | | |
| 13 | VDUVY VD (a) Chì (Pb) | µg/ g | QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.08) | 100 |
| 14 | VDQA2 VD (a) Cadimi (Cd) | µg/ g | QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.04) | 100 |



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ | GIỚI HẠN TỐI ĐA |
|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------|----------------------------------|---------------------------------------|-----------------|
| Thành phần bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (nhựa AS+ABS) | | | | | |
| 15 | VD295 VD (a) Lượng KMnO4 sử dụng (Nước, 60°C, 30 phút) | µg/ ml | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=1) | 10 |
| 16 | VD2K6 VD (a) Kim loại nặng quy Pb (acid acetic 4%, 60°C, 30 phút) | µg/ ml | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD = 0.4) | 1 |
| Thành phần bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Silicone) | | | | | |
| 17 | VD752 VD (a) Chì (Pb) | µg/ g | AOAC 2015.01; QCVN 12-2:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=0.08) | 10 |
| 18 | VD753 VD (a) Cadimi (Cd) | µg/ g | AOAC 2015.01; QCVN 12-2:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=0.04) | 10 |
| 19 | VD766 VD (a) Formaldehyd (Nước, 40°C, 24 giờ) | | QCVN 12-2:2011/BYT | Âm tính | Âm tính |
| 20 | VD767 VD Kẽm (Zn) (Nước, 40°C, 24 giờ) | µg/ ml | QCVN 12-2:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=0.1) | 1 |
| 21 | VD768 VD (a) Kim loại nặng quy Pb (acid acetic 4%, 40°C, 24 giờ) | µg/ ml | QCVN 12-2:2011/BYT | Không phát hiện (LOD = 0.4) (LOD=0.4) | 1 |
| 22 | VD769 VD Cặn khô (nước, 40°C, 24 giờ) | µg/ ml | QCVN 12-2:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=5) | 40 |
| 23 | VD0FF VD Phenol (nước, 40°C, 24 giờ) | µg/ ml | QCVN 12-2:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=1) | 5 |

KẾT LUẬN

Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Thành phần bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (nhựa PP)" phù hợp với QCVN 12-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm) tại bảng (1+5).

Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Thành phần bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (nhựa AS)" phù hợp với QCVN 12-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm) tại bảng (1).

Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Thành phần bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (nhựa AS+ABS)" phù hợp với QCVN 12-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm) tại bảng (1).

Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Thành phần tiếp xúc thực phẩm: silicon" phù hợp với QCVN 12-2:2011/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Thông tin thành phần vật liệu tiếp xúc thực phẩm do khách hàng cung cấp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 06/09/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 06/09/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

